

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

Bản án số: 09/2025/DS-ST.

Ngày: 20-01-2025.

V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Vững.

Ông Nguyễn Văn Ánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Tấn Đ - Thư ký Tòa án.

Ngày 20/01/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 721/2024/TLST-DS, ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 557/2024/QĐXXST-DS ngày 16/12/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-DS ngày 02/01/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Phước H, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Ấp 1, xã LB, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn MA, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông Lê Phước H là nguyên đơn trình bày:

Ông H là chủ máy bay xịt thuốc, còn ông Đ là người thuê máy bay của ông H để sạ lúa, xịt thuốc, rải phân cho ruộng lúa của ông Đ. Ông Đ đã thuê máy bay của ông H cho 03 vụ lúa. Cụ thể: Vụ thứ nhất: 293.480.000 đồng; Vụ thứ hai: 208.180.000 đồng; Vụ thứ ba: 127.140.000 đồng. Tổng cộng là 628.800.000 đồng (Sáu trăm hai mươi tám triệu, tám trăm nghìn đồng).

Ông Đ có cam kết lần 01 ngày 01/4/2023 sẽ trả hết tiền cho ông H trong khoảng thời gian từ ngày 20/4/2023 – ngày 30/04/2023 ông Đ sẽ thanh toán đủ nhưng ông Đ không làm đúng thỏa thuận. Lần 2 ông Đ cam kết đến ngày 25/4/2023 ông Đ sẽ trả đủ nhưng cũng không trả đúng thỏa thuận. Lần 3 ông Đ

cam kết ngày 28/4/2023 sẽ trả đủ cho ông H số tiền 150.000.000 đồng. Lần 4 ông Đ cam kết ngày 10/5/2023 ông Đ sẽ trả ông H số tiền 150.000.000 đồng. Lần 5 ông Đ cam kết ngày 30/5/2023 và ngày 07/7/2023 sẽ trả đủ cho ông H. Thế nhưng tất cả những lần hứa hẹn trên ông Đ không hề làm đúng thỏa thuận đã cam kết.

Mãi đến ngày 28/4/2023 ông Đ trả ông H 150.000.000 đồng. Ngày 15/9/2023 ông Đ có trả ông H 100.000.000 đồng. Ngày 18/9/2023 ông Đ có trả thêm 50.000.000 đồng. Ngày 27/01/2024 ông Đ trả thêm 50.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền ông Đ đã trả cho ông H là 350.000.000 đồng. Như vậy số tiền ông Đ còn nợ lại ông H là 628.800.000 đồng – 350.000.000 đồng = 278.800.000 đồng (hai trăm bảy mươi tám triệu, tám trăm nghìn đồng). Ông Đ hứa trong tháng 01/2024 ông Đ sẽ trả hết số tiền 278.800.000 đồng, thế nhưng sau nhiều lần ông H liên hệ nhưng ông Đ không nghe máy, đến nhà tìm nhưng ông Đ né tránh, không muốn trả nợ cho ông H. Đến ngày 3/4/2024 ông Đ trả cho ông H 8.800.00 đồng nên ông Đ có làm tờ cam kết ngày 3/4/2024 còn nợ ông H số tiền 270.00.000 đồng. Sau đó ông Đ trả thêm cho ông H số tiền 50.000.000 đồng, như vậy ông Đ còn nợ ông H số tiền 220.000.000 đồng và từ đó đến nay ông Đ không trả thêm bất cứ khoản tiền nào cho ông H.

Nhận thấy việc ông Đ nhiều lần né tránh nghĩa vụ trả nợ cho ông H là ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H. Nên nay ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Tấn Đ phải trả lại tiền thuê máy bay sạ lúa, xịt thuốc, rải phân cho ông H tổng số tiền 220.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 3/4/2024 đến ngày 20/01/2025 là 9 tháng 17 ngày x 220.000.000 x 0,83%/tháng = 19.020.833 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 239.020.833 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi tính lãi kể từ ngày 21/01/2025 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

- Bị đơn là ông Nguyễn Tấn Đ: Đã được tổng Đ các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ, biết nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến, cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Lê Phước H yêu cầu ông Nguyễn Tấn Đ phải trả lại tiền thuê máy bay sạ lúa, xịt thuốc, rải phân cho ông H tổng số tiền 220.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 3/4/2024 đến ngày 20/01/2025 là 9 tháng 17 ngày x 220.000.000 x 0,83%/tháng = 19.020.833 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 239.020.833 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi tính lãi kể từ ngày 21/01/2025 cho đến khi giải quyết xong vụ án. Ngoài ra các đương sự không ai có yêu cầu nào khác nên xác định quan hệ pháp luật tranh

chấp là tranh chấp hợp đồng dịch vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thì tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân và do bị đơn có địa chỉ ở khóm 3, thị trấn MA, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đ đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Tấn Đ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét, yêu cầu của ông Lê Phước H yêu cầu ông Nguyễn Tấn Đ phải trả lại tiền thuê máy bay sạ lúa, xịt thuốc, rải phân cho ông H tổng số tiền 220.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 3/4/2024 đến ngày 20/01/2025 là 9 tháng 17 ngày $\times 220.000.000 \times 0,83\%/tháng = 19.020.833$ đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 239.020.833 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi tính lãi kể từ ngày 21/01/2025 cho đến khi giải quyết xong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.2] Theo tờ cam kết ngày 3/4/2024 thì ông Nguyễn Tấn Đ còn nợ ông Lê Phước H số tiền 270.000.000 đồng, ông Đ cam kết sẽ trả cho ông H mỗi vụ lúa là 90.000.000 đồng, trả trong 03 vụ lúa sẽ trả hết số tiền 270.000.000 đồng cho ông H và ông Đ có làm tờ cam kết ngày 3/4/2024. Nhưng từ khi cam kết đến nay ông Đ chỉ trả cho ông H số tiền 50.000.000 đồng và còn nợ ông H số tiền 220.000.000 đồng, đến nay vẫn chưa trả số tiền còn nợ 220.000.000 đồng cho ông H.

[3] Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng Đ hợp lệ các văn bản tố tụng và thông báo kết quả chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp nhưng ông Nguyễn Tấn Đ vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, đồng thời Nguyễn Tấn Đ cũng không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những tình tiết, tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Căn cứ vào khoản 1, 2 và 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự có thể khẳng định chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ.

[4] Từ những phân tích nêu trên, việc ông Nguyễn Tấn Đ còn nợ tiền thuê máy bay sạ lúa, xịt thuốc, rải phân của ông Lê Phước H với số tiền 220.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 03/4/2024 đến ngày 20/01/2025 là 9 tháng 17 ngày $\times 220.000.000 \times 0,83\%/tháng = 19.020.833$ đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi 239.020.833 đồng là có thật và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó buộc ông Nguyễn Tấn Đ phải có trách nhiệm trả cho ông Lê Phước H số tiền thuê máy bay sạ lúa, xịt thuốc, rải phân còn thiếu gồm tiền gốc và lãi là 239.020.833 đồng là phù hợp theo Điều 513, Điều 518 Bộ luật dân sự.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng, án phí, lệ phí Tòa án thì ông Nguyễn Tấn Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 385, Điều 468, Điều 513, Điều 518 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Phước H.

2. Buộc ông Nguyễn Tấn Đ phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Phước H số tiền gốc và lãi là 239.020.833 đồng.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Tấn Đ phải chịu 11.951.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng Đ hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- VKS HTM;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA (Đ).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Ngọc

